TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **99** /2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 20/4/2018;
V*/v "Xin ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Công**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Bùi Thu Hảo**.

2/ Ông **Võ Văn Công**.

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Mai Văn Hóa** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2018 lúc 07 giờ 30 phút, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Châu Thị H, sinh năm 1992;
Cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện CG, tỉnh Long An (có mặt).

Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1991;
Cư trú: Ấp H, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (có mặt).
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
1/ Nguyễn Thị L, sinh năm 1966;
Cư trú: Ấp H, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang (có mặt).
2/ Nguyễn Thị G, sinh năm 1949;
Cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện CG, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa chị Châu Thị H trình bày như sau: Chị và anh Nguyễn Văn T quen biết nhau, có tổ chức đám cưới vào tháng 4 năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BX, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận số 79/2016 ngày 16 tháng 5 năm 2016. Quá trình chung sống với nhau có hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Nguyễn

Văn T thường xuyên vắng nhà, không chăm sóc cho vợ, con, nên vợ, chồng đã ly thân từ khi sinh con vào tháng 6 năm 2016 cho đến nay.

Về con chung: Có 02 con trai sinh đôi tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 24/6/2016 và Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 24/6/2016. Lúc đầu 02 đứa con sống chung với chị tại nhà ông, bà ngoại ở ấp TC, xã TT, huyện CG, tỉnh Long An. Đến ngày 14/12/2017 anh Nguyễn Văn T đã đến bắt đứa con tên Nguyễn Đăng Kh đem về bên nhà ông, bà nội sống cho đến nay.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ, cH không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 đứa con, vì 02 con còn rất nhỏ, lại sinh đôi nên vắng nhau là khóc suốt không chịu ngủ, không uống sữa và bệnh thường xuyên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 05/01/2018 và tại phiên tòa như sau: Năm 2015 anh và chị Châu Thị H cùng làm chung Công ty ở thành phố rồi quen biết và tìm hiểu thấy hợp nhau, hai bên gia đình chấp thuận, nên ngày 28/8/2015 tổ chức đám cưới, sau ngày cưới 04 ngày vợ, chồng bàn bạc thống nhất lên thành phố thuê nhà trọ ở để đi làm công nhân. Quá trình chung sống vợ, chồng có hạnh phúc, khi biết vợ mang thai thì vợ, cH rất vui, do tiền lương thu nhập sau khi trừ các khoản chi phí thì còn dư khoảng ba triệu đồng, nên anh và H bàn bạc để anh đi làm xa thì H đồng ý cho anh đi làm xa. Khi anh lên Bình Phước làm công nhân và làm thêm nên cả tháng mới về nhà một lần, trong thời gian vợ chuẩn bị sinh và sau khi sinh con, mỗi lần anh về nhà đều có đến chăm lo cho vợ, con, nhưng do bận công việc cả tháng mới về một lần, từ đó mà chị H cho rằng anh không thường xuyên chăm lo cho vợ, con, cho nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, chị H có những lời nói xúc phạm đến anh và cả cha, mẹ của anh. Ngày 14 tháng 12 năm 2017 anh có đến nhà của cha mẹ vợ để thăm các con, nhưng bên vợ đối xử không tốt nên anh có bắt 01 đứa con trai tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 24/6/2016 đem về nhà nội giao cho bà nội nuôi dưỡng, kể từ đó chị H mới làm đơn xin ly hôn với anh.

Tại Tòa án anh nhận thấy tình cảm vợ, chồng không đoàn tụ lại được, nên anh cũng đồng ý ly hôn với Châu Thị H.

Về con chung: Có 02 con trai sinh đôi tên Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 24/6/2016 và Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 24/6/2016. Do chị H đi làm công nhân để 02 đứa con cho bà ngoại trực tiếp nuôi, đến ngày 14/12/2017 anh đã đến bắt đứa con tên Nguyễn Đăng Kh đem về bên nhà ông, bà nội nuôi cho đến nay. Khi ly hôn anh yêu cầu tiếp tục được nuôi cháu Nguyễn Đăng Kh, giao cháu Nguyễn Đăng Kh1 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật:

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử trước khi nghị án, thấy Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do chị H và anh T có thống nhất ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Châu Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Hiện nay cháu Kh1 đang sống chung với gia đình của anh T ở ấp H, xã BX, thị xã GC; còn cháu Kh đang sống chung với gia đình của chị H ở ấp TC, xã TT, huyện CG. Tâm lý mỗi cháu cũng đã ổn định với người nuôi dưỡng; về nguồn thu nhập thì chị H làm công nhân trung bình mỗi tháng mức lương khoảng 6.600.000 đồng, anh T cũng làm công nhân trung bình mỗi tháng mức lương khoảng 10.000.000 đồng, như vậy chị H không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 02 cháu. Đề nghị giao cháu Nguyễn Đăng Kh1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đăng Kh cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; do chị H và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, cho nên chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án thụ lý vụ án có thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, về quan hệ tranh chấp được xác định là “Ly hôn”.

Tại phiên tòa, chị Châu Thị H và anh Nguyễn Văn T đều có mặt.

Chị H và anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã nêu trên.

Hội đồng xét xử, xét thấy, chị Châu Thị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn vào tháng 4 năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã BX cấp giấy chứng nhận kết hôn số 79/2016 ngày 16/5/2016.

Quá trình chung sống anh, chị có hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn như chị H và anh T đã trình bày ở trên.

Tòa án có tiến hành xác minh tại ấp TC, xã TT và ấp H, xã BX về mâu thuẫn chính quyền ấp không biết, vì chị H và anh T đều đi làm công nhân, còn 02 cháu hiện nay thì bà ngoại nuôi cháu Kh, bà nội nuôi cháu Kh1.

Xét thấy, mâu thuẫn như chị H và anh T đã trình bày thì đây là hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, cH làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, về hôn nhân chị Châu Thị H và anh Nguyễn Văn T tự nguyện thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc ly hôn của chị và anh là hợp lý.

Về nuôi con chung: Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi cả 02 đứa con; anh T xin được trực tiếp nuôi 01 đứa con tên Kh1, để cho chị H nuôi đứa con tên Kh như hiện nay mỗi bên đã đang nuôi.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Tại khoản 3 quy định: "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con".

Qua xác minh được biết trường hợp của chị Châu Thị H và anh Nguyễn Văn T thì cả 02 người đều đi làm công nhân, nên không có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Đối với chị H đi làm hết giờ hành chính trong ngày mới về nhà và thu nhập mức lương hàng tháng hiện nay trung bình khoảng 6.600.000 đồng, thực tế ban ngày do bà ngoại tên Nguyễn Thị G, sinh năm 1949 là người trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đăng Kh và Nguyễn Đăng Kh1 tại nhà bà ngoại, đến ngày 14/12/2017 thì anh T đến thăm con và bắt cháu Kh1 đem về để cho bà nội nuôi, hiện nay bà ngoại nuôi cháu Kh. Xét thấy, bà Nguyễn Thị G đã lớn tuổi và mất sức lao động, về nguồn thu nhập chỉ có mức lương của chị H thì không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt khi giao cho chị H và bà G trực tiếp nuôi 02 cháu.

Đối với anh T đi làm công nhân ở Bình Phước mỗi tháng về nhà một lần và mức lương hàng tháng trung bình khoảng 10.000.000 đồng, thực tế từ ngày anh T bắt cháu Kh1 về thì giao cháu cho bà nội tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đăng Kh tại nhà bà nội. Bà Lưỡng sức khỏe bình thường và còn sức lao động, thu nhập đủ sống, cộng với mức lương của anh T thì đủ điều kiện về kinh tế để nuôi cháu Kh1.

Xét thấy, mặc dù chị H và anh T bận đi làm công nhân nên không trực tiếp thường xuyên nuôi con, nhưng là mẹ, là cha thì chị và anh vẫn có quyền, nghĩa vụ chính trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì thế, cần giao cháu Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Châu Thị H và bà Nguyễn Thị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 24/6/2016 cho anh Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của các con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh T không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh và chị không phải cấp dưỡng nuôi con; nhưng người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Xét thấy, đại diện Viện kiểm sát kết luận và đề nghị về việc giải quyết vụ án là có phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị H.

Về hôn nhân: Cho chị Châu Thị H ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng Kh1, sinh ngày 24/6/2016 cho chị Châu Thị H và bà Nguyễn Thị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Đăng Kh, sinh ngày 24/6/2016 cho anh Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị L, tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con; nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Châu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 42256 ngày 18/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN VĂN CÔNG

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát TXGC;
-Chi cục THADSTXGC;
-Các đương sự;
-UBND xã BX,TXGC;
-Lưu hồ sơ, án văn.